

Bản án số: 173/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-3-2021  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Hữu Quang
2. Bà Hồ Thị Lệ Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 547/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Lương H, sinh năm 1986
2. *Bị đơn:* Ông Trần Đức Hoài B, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: B16.06 chung cư Mỹ Phú, số 60/68 đường Lâm Văn Bền, phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà Lý Lương H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Trần Đức Hoài B có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn đề ngày 11/8/2020, và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Lương H trình bày:*

Bà và ông Trần Đức Hoài B qua thời gian quen biết, tìm hiểu được 01 năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 14/10/2013). Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn do ông B thường xuyên quát tháo, chửi bới, ghen tuông điên cuồng, áp đặt cuộc sống bà theo ý của ông B, nếu bà không làm theo thì

ông B đập phá vật dụng trong gia đình, lăng mạ bà, càng lúc bà càng cảm thấy sợ hãi nên không còn tình cảm với nhau. Bà đã nhiều lần khuyên bảo và tạo cơ hội cho ông B sửa chữa để giữ hạnh phúc vợ chồng nhưng không kết quả, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến cả hai không còn sinh hoạt vợ chồng, sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn. Nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Đức Hoài B.

- Về con chung: Bà xác định có 02 con chung tên Trần Đức Kh, sinh ngày 09/12/2013 và Trần Đức K, sinh ngày 05/08/2016. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ Kh và K cho đến khi thành niên. Ông B chu cấp tiền học phí hàng tháng cho hai con số tiền là 5.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Bà và ông Trần Đức Hoài B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai ngày 23/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Đức Hoài B trình bày:*

Ông thống nhất với phần trình bày của bà Lý Lương H, về quan hệ hôn nhân thì qua thời gian quen biết, tìm hiểu được 01 năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 14/10/2013). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bản thân ông còn mang nặng tính phong kiến, gia trưởng, không quan tâm tìm hiểu cảm xúc của vợ mà ngược lại luôn cộc cằn trong lời nói cũng như trong ứng xử. Ông cũng thường hay đa nghi, ghen vợ, nên có những lời nói thiếu suy nghĩ như kêu vợ đem con đi xét nghiệm AND, con giống mẹ không giống bố làm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của vợ ông. Ngoài ra, ông còn có thái độ coi thường mẹ vợ làm xúc phạm uy tín của vợ. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn và từ giữa tháng 6/2019 thì không còn sinh hoạt vợ chồng và không thể sống chung, nên ông thuê nhà ở riêng từ đầu tháng 7/2020 đến nay.

Tuy nhiên, qua thời gian ở riêng ông nhận ra bản thân ông có quá nhiều sai lầm trong ứng xử, đã xúc phạm vợ cũng như mẹ vợ. Hiện tại ông vẫn thương yêu vợ con, nên ông xin bà H cho ông cơ hội trong thời gian 04 tháng để có điều kiện khắc phục sai lầm, tạo mối quan hệ tốt hơn với vợ và mẹ vợ ông nhằm hàn gắn tình cảm và để vợ chồng được đoàn tụ. Ông cam kết nếu qua thời gian trên mà ông vẫn không thay đổi, không có mối quan hệ tốt với vợ thì ông đồng ý ly hôn để các bên ổn định cuộc sống. Trường hợp không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, phải ly hôn thì về con chung ông yêu cầu được nuôi trẻ Trần Đức Kh, bà H nuôi trẻ Trần Đức K, ông cấp dưỡng hàng tháng số tiền 5.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Ông và bà Lý Lương H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Lý Lương H vắng mặt theo đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 17/3/2021 và bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Trần Đức Hoài B, được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho hai con.

Bị đơn ông Trần Đức Hoài B trình bày: Về tình cảm vợ chồng trong thời gian này không hạnh phúc, ông đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng đến nay không kết quả. Ông và bà H sống ly thân từ tháng 6/2019, hiện ông mượn nhà ở riêng từ tháng 7/2020. Về yêu cầu của bà H thì ông không đồng ý ly hôn, nhưng nếu phải ly hôn thì về con một người nuôi một đứa. Hiện bà H và hai con đang ở chung nhà với bà ngoại.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

Tại phiên tòa: hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lý Lương H và ông Trần Đức Hoài B tự nguyện kết hôn với nhau năm 2013, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nên bà H yêu cầu được ly hôn ông B. Bà H và ông B đang cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự:

Nguyên đơn bà Lý Lương H vắng mặt (theo đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 17/3/2021). Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Về hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 14/10/2013 thì hôn nhân giữa bà Lý Lương H và ông Trần Đức Hoài B là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Về yêu cầu ly hôn của bà Lý Lương H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Bản tự khai ngày 23/10/2020, ông B thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và từ giữa tháng 6/2019 thì không còn sinh hoạt vợ chồng và không sống chung, nên ông thuê nhà ở riêng từ đầu tháng 7/2020 đến nay. Tại Biên bản hòa giải ngày 23/10/2020, ông B đề nghị bà H cho ông cơ hội thời gian 01 tháng để có điều kiện khắc phục sai lầm, tạo mối quan hệ tốt hơn với vợ và mẹ vợ ông nhằm hàn gắn tình cảm và để vợ chồng được đoàn tụ, nếu qua thời gian trên mà ông vẫn không thay đổi, không có mối quan hệ tốt với vợ thì ông đồng ý ly hôn để các bên ổn định cuộc sống. Tại Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân ngày 01/12/2020 của Hội liên hiệp Phụ nữ phường Tân Kiểng, Quận 7 xác định ông Trần Đức Hoài B đã dọn ra ngoài ở khoảng 01 năm. Tại phiên tòa ông B thừa nhận về tình cảm vợ chồng trong thời gian này không hạnh phúc, ông đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng đến nay không kết quả. Theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân của bà Lý Lương H ông Trần Đức Hoài B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về ly hôn theo yêu cầu của một bên: “ Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, nên yêu cầu ly hôn của bà Lý Lương H là có căn cứ, được chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Bà Lý Lương H và ông Trần Đức Hoài B đều xác định có 02 con chung tên Trần Đức Kh, sinh ngày 09/12/2013 và Trần Đức K, sinh ngày 05/08/2016. Bà H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ Kh và K cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông B cấp dưỡng

cho con. Phía ông B thì cho rằng trường hợp không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, phải ly hôn thì về con chung ông yêu cầu được nuôi trẻ Trần Đức Kh, bà H nuôi trẻ Trần Đức K, ông cấp dưỡng hàng tháng số tiền 5.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.4] Về người trực tiếp nuôi con: Tại phiên tòa ông B thừa nhận hiện hai trẻ Trần Đức Kh, Trần Đức K và bà Lý Lương H đang ở chung nhà với bà ngoại. Tại bản tự khai ngày 17/3/2021, trẻ Trần Đức Kh trình bày nguyện vọng: “Con muốn ở với mẹ vì con rất thương mẹ, mẹ rất giỏi và có em chơi với con rất vui”. Xét đây là nguyện vọng chính đáng của trẻ Kh, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời tránh được những xáo trộn về mặt tâm lý của hai trẻ. Mặt khác, theo bảng sao kê tài khoản thì thu nhập hàng tháng của bà H ổn định, bảo đảm được quyền lợi mọi mặt của hai trẻ, nên yêu cầu của bà H về việc được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ Kh và K cho đến khi thành niên là có cơ sở được chấp nhận.

[3.5] Về cấp dưỡng cho con: Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 17/3/2021, bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con. Xét đây là sự tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.6] Về tài sản chung: Bà Lý Lương H và ông Trần Đức Hoài B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.7] Về nợ chung: Bà Lý Lương H và ông Trần Đức Hoài B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

- Bà Lý Lương H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Lý Lương H và ông Trần Đức Hoài B được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lý Lương H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Lương H được ly hôn ông Trần Đức Hoài B (Giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 14/10/2013).

- Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Đức Kh, sinh ngày 09/12/2013 và Trần Đức K, sinh ngày 05/08/2016 cho bà Lý Lương H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

Ông Trần Đức Hoài B có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, và giáo dục con chung. Vì quyền, lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lý Lương H và ông Trần Đức Hoài B tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Bà Lý Lương H và ông Trần Đức Hoài B xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về án phí: Bà Lý Lương H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0041515 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Đức Hoài B được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lý Lương H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, TP.HCM (GCNKH số 123, quyển số 01/2013 đăng ký ngày 14/10/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (TK Thu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Thạnh**

